# Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF)

Ngày 30/04/2025

## VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.

- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.

- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

## Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập

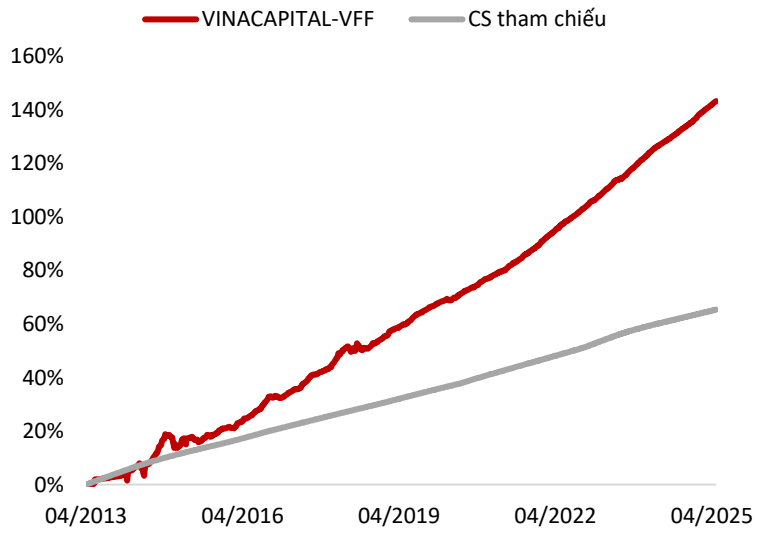


*Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.*

## Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

| | VINACAPITAL-VFF | CSTC |
|---|---|---|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 1,495.5 | |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ) | 24,339.3 | |
| Lợi nhuận tháng 04/2025 (%) | 0.5 | 0.4 |
| Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%) | 2.1 | 1.5 |
| Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm) | 7.4 | 5.3 |
| Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm) | 7.5 | 5.1 |
| Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm) | 7.6 | 4.2 |
| Lợi nhuận từ ngày thành lập (%) | 143.4 | 65.4 |

** CSTC: Chỉ số tham chiếu*
*(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)*


Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35


## Phân bổ tài sản

***% Giá trị tài sản ròng***

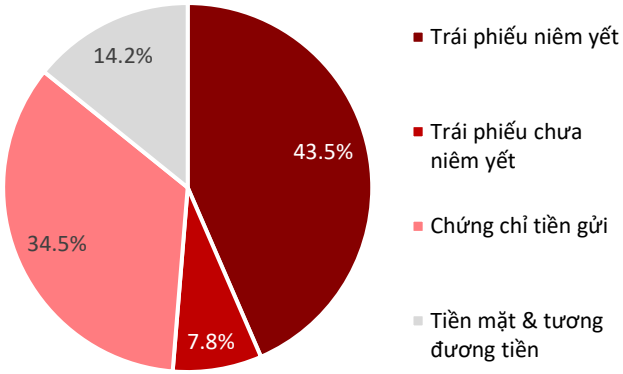


## Thông tin quỹ

| | |
|---|---|
| **Ngày thành lập** | 1/4/2013 |
| **Phí quản lý** | 0.95%/năm |
| **Phí phát hành** | 0.0% |
| **Phí mua lại** | 2.0% < 12 tháng<br>0.5% >= 12 tháng<br>0.0% >= 24 tháng |
| **Thuế thu nhập cá nhân** | 0.1% |
| **Ngân hàng Giám sát và Lưu ký** | Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam |
| **Công ty kiểm toán** | PwC Việt Nam |
| **Tần suất giao dịch** | Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần |
| **Chỉ số tham chiếu (CSTC)** | Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank. |

## Chỉ số danh mục đầu tư

| | |
|---|---|
| Thời gian đáo hạn bình quân | 1.02 |
| Lợi suất khi đáo hạn (%) | 7.51 |

## Phân bổ theo ngành

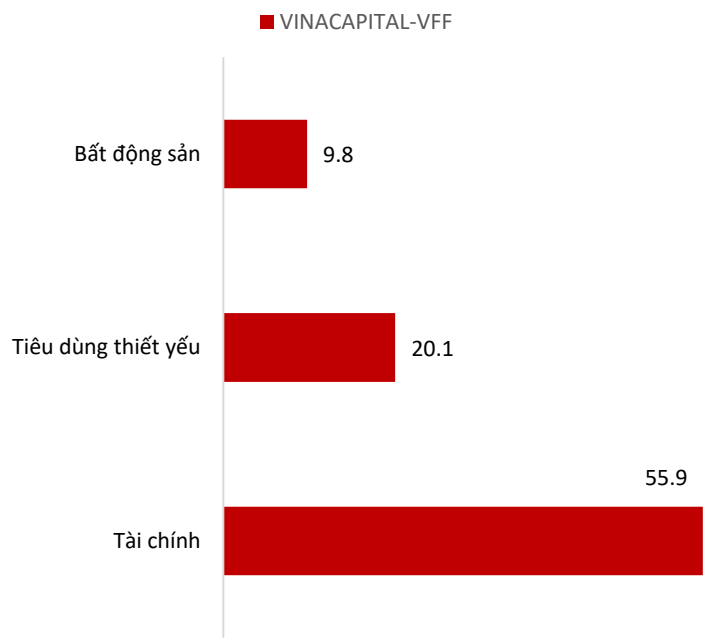


## Danh mục đầu tư lớn

| Mã | Tên Tổ chức phát hành | Tỉ trọng (%) | Lợi suất (%) | Chu kỳ đáo hạn (năm) |
|---|---|---|---|---|
| MSN | Tập Đoàn Masan | 9.7 | 8.2 | 2.4 |
| TCBS | CTCP Chứng Khoán TCBS | 8.9 | 7.0 | 0.5 |
| HDB | Ngân Hàng HDB | 8.5 | 7.2 | 4.6 |
| MML | CTCP Masan Meatlife | 6.3 | 8.1 | 1.2 |
| BAF | CTCP Nông nghiệp BaF | 3.7 | 7.2 | 0.3 |

## Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Chỉ số PMI giảm từ 50.5 trong tháng 3 xuống 45.6 trong tháng 4, do đó triển vọng sản xuất công nghiệp sẽ chậm lại vào cuối năm 2025. Kết hợp với tác động gián tiếp từ tiêu dùng yếu hơn do triển vọng việc làm suy giảm. Dựa trên điều này, chúng tôi dự báo rằng các tác động của thuế quan sẽ làm giảm tăng trưởng GDP của Việt Nam khoảng một điểm phần trăm trong năm nay, đưa mức tăng trưởng ước tính xuống 6-6.5%.

Ngoài ra, những lo ngại về khả năng suy thoái kinh tế tại Mỹ và toàn cầu, chủ yếu do bất ổn thương mại, đã góp phần vào sự giảm 20% giá dầu thế giới kể từ giữa tháng 1. Điều này đã giúp kiềm chế áp lực lạm phát tại Việt Nam, với lạm phát CPI được kiểm soát ở mức 3.1% YoY trong tháng 4, và giá bán lẻ xăng dầu trong nước giảm hơn 20% YoY.

Trong tháng 4 năm 2025, tổng lượng phát hành mới đạt 45 nghìn tỷ VND, tăng 136% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lĩnh vực ngân hàng và bất động sản dân cư đóng góp lần lượt 67% và 30%. Đáng chú ý, Vingroup đã phát hành 9 nghìn tỷ VND trái phiếu riêng lẻ với kỳ hạn 2 năm cùng mức lãi suất cố định 12.0%. Không có trường hợp vỡ nợ mới nào được ghi nhận trong tháng, và tỷ lệ vỡ nợ tích lũy đã giảm 0.6% xuống còn 14% vào cuối tháng 4 năm 2025.

## Lợi nhuận hằng tháng

| | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 | LN từ đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2023 | 0.7% | 0.6% | 0.7% | 0.7% | 0.8% | 0.3% | 0.5% | 0.8% | 0.7% | 0.7% | 0.7% | 0.6% | 8.0% |
| 2024 | 0.7% | 0.6% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.6% | 0.8% | 6.9% |
| 2025 | 0.5% | 0.5% | 0.5% | 0.5% | | | | | | | | | 2.1% |

**Thông tin quan trọng**

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.